TAND THÀNH PHỐ L **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố L, ngày 23 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1975;

Nơi ĐKHKTT: tổ 5, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: thôn 7, xã Đại N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Tuyết M1, sinh năm 1978;

Nơi ĐKHKTT: tổ 5, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: tổ 24, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 đều thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/11/2001 và Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 14/12/2006 anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 thỏa thuận:

Anh Nguyễn Ngọc M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngọc Ánh cho đến khi cháu Ngọc A thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Tuyết M1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Anh cho đến khi cháu Hoàng A1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh M và chị M1 không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh M và chị M1 thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Tuyết M1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, chị M1 nhất trí để anh M nộp thay số tiền án phí mà chị M1 phải nộp là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Tổng cộng anh M phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Nguyễn Ngọc M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc M số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0004020 ngày 24/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Đại N, huyện Đoan H, tỉnh Phú T;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tòng Thị Tuyết